

Số: /HD-TTNDVN

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

HƯỚNG DẪN

**Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
Ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
trong Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga**

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh (sau đây gọi là Nghị định số 165/2016/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động (sau đây gọi là Nghị định số 38/2022/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Thông tư số 03/2023/TT-BTC);

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN);

Căn cứ Hướng dẫn số 2725/HD-BQP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Bộ Quốc phòng (sau đây gọi là Hướng dẫn số 2725/HD-BQP);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch khoa học và Trưởng phòng Tài chính.

Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga (Trung tâm) hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) trong Trung tâm như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Hướng dẫn này hướng dẫn lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Điều 25,

26, 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

- Hướng dẫn này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi là nhiệm vụ) trong Trung tâm.

2. Giải thích từ ngữ

a) *Nội dung nghiên cứu* trong nhiệm vụ là nội dung cần thực hiện, được trình bày trong thuyết minh nhiệm vụ để đạt được mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ theo đặt hàng. Nội dung nghiên cứu bao gồm một hoặc nhiều công việc cần thực hiện.

b) *Chức danh thực hiện nhiệm vụ* là người trực tiếp thực hiện các nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ bao gồm: chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

c) *Nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ* (sau đây viết gọn là nhóm chức danh) là tập hợp các cá nhân có cùng chức danh theo quy định tại Điểm b Mục này để thực hiện nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ.

d) *Chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ* là người có trình độ từ đại học trở lên, có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cần thực hiện trong nhiệm vụ.

đ) *Chuyên gia tư vấn độc lập* là người có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực và tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cơ quan quản lý nhiệm vụ yêu cầu thực hiện.

e) *Tổ chức tư vấn độc lập* là đơn vị có chức năng chuyên môn phù hợp được cơ quan quản lý nhiệm vụ thuê để đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm đối với các nhiệm vụ có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm cần đo kiểm.

g) *Phê duyệt nhiệm vụ* là việc cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ để đưa ra tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN, gồm: tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công

việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ.

b) Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

c) Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ.

d) Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

đ) Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

e) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

g) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

h) Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

i) Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

k) Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ.

4. Chức danh thực hiện nhiệm vụ

4.1. Chủ nhiệm nhiệm vụ

- Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhiệm vụ trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Mỗi nhiệm vụ chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

4.2. Thư ký khoa học

- Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

- Mỗi nhiệm vụ chỉ có một thư ký khoa học.

4.3. Thành viên chính

a) Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

b) Trong một nhiệm vụ có nhiều nội dung nghiên cứu, mỗi nội dung được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

4.4. Thành viên

Thành viên thực hiện nhiệm vụ là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

4.5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông)

Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ.

5. Định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN

5.1. Định mức dự toán thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN

Dự toán thù lao cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điểm a Mục 2.2 Hướng dẫn số 2725/HD-BQP và Hướng dẫn này, cụ thể như sau:

- Hệ số lao động khoa học các chức danh thực hiện theo Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Hệ số lao động khoa học của các chức danh

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H_{CD})		
		Cấp quốc gia	Cấp Bộ Quốc phòng	Cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0	0,8	0,6
2	Thư ký khoa học	0,3	0,24	0,18
3	Thành viên chính	0,8	0,64	0,48
4	Thành viên	0,4	0,32	0,24
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	0,16	0,12

- Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

- Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ được tính theo công thức:

$$TL_{CN} = H_{CD} \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{CN} : Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ.

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại bảng 1.

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC (tối đa 40 triệu đồng/người/tháng);

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

- Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học (TL_{TK}) được tính theo công thức:

$$TL_{TK} = H_{CD} \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

- Dự toán chi thù lao theo nhóm chức danh (TL_{NCD}) cho số ngày quy đổi đủ tháng được tính theo công thức:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó: Σt_{NCD} là tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

- Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \frac{\Sigma t_n}{22}$$

Trong đó: Σt_n là tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ ($t_n < 22$ ngày).

Chi tiết biểu mẫu Dự toán thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở tại Phụ lục kèm theo.

5.2. Thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ

- Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ.

- Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tối thiểu tháng chia cho 22 ngày) được quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ, cụ thể:

Bảng 2. Mức lương tối thiểu theo Vùng

Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu ngày (Đơn vị: đồng/ngày)
Vùng I	4.680.000	212.727
Vùng II	4.160.000	189.090
Vùng III	3.640.000	165.454
Vùng IV	3.250.000	147.727

Danh mục địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ.

5.3. Định mức chi dự toán thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ quy định tại Mục 5.1 Hướng dẫn này.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Mục 5.1 Hướng dẫn này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia

thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Mục 5.1 Hướng dẫn này.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Mục 5.1 Hướng dẫn này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

5.4. Định mức dự toán thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập

a) Trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê chuyên gia tư vấn độc lập để:

- Xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ;
- Xác định nhiệm vụ đặt hàng;
- Cho ý kiến trước khi quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ;
- Xem xét, đánh giá thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ;
- Kiểm tra, đánh giá tổ chức, cá nhân chủ trì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- Tư vấn, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê tổ chức tư vấn độc lập quy định tại Điểm e Mục 2 Hướng dẫn này.

c) Định mức thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành.

5.5. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có)

Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hàng năm. Trong đó:

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

b) Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

c) Việc mua sắm vật tư, tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021 của Bộ Quốc phòng và Hướng dẫn số 2566/HD-TTNDVN ngày 04/8/2022 của Trung tâm.

5.6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

5.7. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có)

Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Mục 5.8 Hướng dẫn này.

5.8. Dự toán chi hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu KH&CN (trong khuôn khổ nhiệm vụ KH&CN)

Định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia, cấp Bộ Quốc phòng và cấp cơ sở của Trung tâm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Hướng dẫn số 2725/HD-BQP, cụ thể tại Bảng 3; riêng chi công tác phí, tổ chức hội nghị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 259/2017/TT-BQP ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và Quyết định số 2323/QĐ-TTNDVN ngày 31/10/2017 của Tổng Giám đốc

về việc ban hành “Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trong Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga”.

Bảng 3. Định mức chi thù lao tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa đối
1	Người chủ trì	Buổi	2.000
2	Thư ký khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	500
3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	3.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.500
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm	Thành viên/Buổi	300

5.9. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn KH&CN

Định mức chi tiền thù lao của các Hội đồng tư vấn KH&CN là định mức chi tối đa áp dụng chung cho nhiệm vụ cấp Quốc gia, cấp Bộ Quốc phòng và cấp cơ sở của Trung tâm theo Hướng dẫn số 2725/HD-BQP.

Bảng 4. Định mức chi tiền thù lao của các Hội đồng tư vấn KH&CN

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ	Hội đồng	
-	Chủ tịch hội đồng		1.500
-	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		1.000
-	Thư ký khoa học		300
-	Thư ký hành chính		300
-	Đại biểu tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	
-	Chi nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		500
-	Nhận xét đánh giá của Ủy viên		700

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa
	phản biện trong Hội đồng		
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch Hội đồng		700
-	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		500
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ	Hội đồng	
-	Chủ tịch hội đồng		1.800
-	Phó chủ tịch và thành viên hội đồng		1.500
-	Thư ký khoa học		300
-	Thư ký hành chính		300
-	Đại biểu mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	
-	Nhận xét đánh giá của Ủy viên hội đồng		700
-	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong hội đồng		1.000
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng		1.800
-	Phó chủ tịch và thành viên hội đồng		1.500
-	Thư ký khoa học		300
-	Thư ký hành chính		300
-	Đại biểu mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	
-	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		700
-	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.500

b) Định mức chi thù lao hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo bảng 5 dưới đây:

Bảng 5. Định mức chi thù lao của Tổ thẩm định kinh phí

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa		
			Cấp quốc gia	Cấp BQP	Cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000	800	600
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	560	420
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	240	180
4	Đại biểu mời tham dự	Nhiệm vụ	200	160	120

5.10. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.

5.11. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện nhiệm vụ KH&CN**6.1. Lập dự toán kinh phí**

Hằng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Quốc phòng, Trung tâm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí năm. Các cơ quan, đơn vị căn cứ hướng dẫn của Trung tâm và nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao, số kiểm tra về dự toán ngân sách được cấp theo thông báo; nội dung chi, định mức chi quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN, các định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước, Bộ Quốc phòng và Hướng dẫn này, lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng nhiệm vụ được giao, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được duyệt và thời gian lập dự toán theo quy định.

a) Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- Hằng năm, căn cứ nội dung chi và định mức lập dự toán quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, Hướng dẫn 2725/HD-BQP và Hướng dẫn này, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập

danh mục và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (chi tiết theo nguồn kinh phí bảo đảm) gửi về Trung tâm (qua Phòng Kế hoạch khoa học và Phòng Tài chính), đồng thời tổng hợp chung vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (nếu sử dụng nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ), dự toán chi thường xuyên cho quốc phòng (nếu sử dụng nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng) của cơ quan, đơn vị.

- Phòng KHKH phối hợp với phòng Tài chính thẩm định, tổng hợp danh mục và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung tâm, lập danh mục và dự toán kinh phí của Trung tâm (chi tiết theo nguồn kinh phí bảo đảm) trình Thủ trưởng Trung tâm phê duyệt gửi Cục Khoa học quân Sự/BQP và Cục Tài chính/ BQP.

b) Lập dự toán kinh phí chi hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN

- Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ KH&CN của năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nội dung và định mức chi quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, Hướng dẫn 2725/HD-BQP và Hướng dẫn này. Các đơn vị lập dự toán kinh phí chi hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN gửi về Trung tâm (qua Phòng KHKH và Phòng Tài chính). Phòng KHKH phối hợp với Phòng Tài chính tổng hợp, thẩm định và lập dự toán kinh phí chi hoạt động quản lý KH&CN của Trung tâm (chi tiết theo nguồn kinh phí bảo đảm) gửi Cục KHQS và Cục Tài chính/BQP.

6.2. Phân bổ dự toán, quản lý sử dụng kinh phí chi KH&CN

a) Phân bổ và giao dự toán ngân sách hằng năm thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng về công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trong Bộ Quốc phòng.

b) Quản lý, sử dụng kinh phí

Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, chi đúng nhiệm vụ, nội dung và định mức chi, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

6.3. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Kết thúc năm ngân sách (hết ngày 31/01 năm sau), các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN tổng hợp hồ sơ, chứng từ chi hợp pháp, lập báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổng hợp

chung vào báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị gửi Phòng Tài chính thẩm định, tổng hợp theo quy định.

7. Hiệu lực thi hành

- Hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày ký. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Trung tâm phê duyệt và giao cho các đơn vị thực hiện trước ngày Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ và trong phạm vi dự toán kinh phí được duyệt, không áp dụng định mức lập dự toán, định mức chi quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC, Hướng dẫn 2725/HD-BQP và Hướng dẫn này.

- Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Trung tâm phê duyệt từ ngày Hướng dẫn này có hiệu lực trở về sau, áp dụng nội dung chi, định mức lập dự toán, định mức chi quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN, Hướng dẫn 2725/HD-BQP và Hướng dẫn này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Trung tâm (qua Phòng KHKH) để tổng hợp, báo cáo Tổng Giám đốc xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban TGD;
- 02 Chi nhánh;
- 3 Viện, 2 Phân viện;
- TTCGCNM;
- P.TC, P.HC-KT;
- VPTT, P.TTKHQs;
- P.QLCGCN;
- Lưu: VT, KHKH. D20.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Đặng Hồng Triển

Phụ lục
BIỂU MẪU DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ
(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-TTNDVN ngày /9/2023 của TTND Việt - Nga)

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Đinh mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh*				Ngân sách nhà nước				Ngân sách khác (nếu có)			
								Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ				Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ			
				Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	8	5	6	7	12	9	10	11	16	13	14	15
I	Xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng													
II	Nội dung nghiên cứu							188,864							
1	Nội dung 1:.... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện							99,273				24			
1.1	Công việc 1:.... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 01 tháng quy đổi và 03 thành viên thực hiện trong tổng thời gian quy đổi là 1,5 tháng (thành viên 1 thực hiện trong 1 tháng, thành viên 2 thực hiện trong 0,3 tháng, thành viên 3 thực hiện trong 0,2 tháng)							19,2							
	- Thù lao thành viên chính	0,48	40	1	0,5	0,5		19,2	9,6	9,6					
	- Thù lao nhóm 03 thành viên	0,24	40	1,5	1	0,5						14,4	9,6	4,8	
1.2	Công việc 2:... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 01 tháng quy đổi và 02 thành viên thực hiện trong tổng thời gian quy đổi là 02 tháng (thành viên 1 thực hiện trong 1,5 tháng; thành viên 2 thực hiện trong							40,8							

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Đinh mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh*				Ngân sách nhà nước				Ngân sách khác (nếu có)			
								Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ				Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ			
				Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	8	5	6	7	12	9	10	11	16	13	14	15
	0,5 tháng) và 05 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ. Mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.														
	- Thù lao thành viên chính	0,48	40	1	1			9,6	9,6			9,6	9,6		
	- Thù lao nhóm 02 thành viên	0,24	40	2	1	1		19,2	9,6	9,6					
	- Thù lao nhóm 05 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,12	40	2,5		2,5		12		12					
1.3	Công việc 3:... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên, mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.							39,273							
	- Thù lao thành viên chính	0,48	40	0,545	0,545			10,473	10,473						

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Đinh mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh*				Ngân sách nhà nước				Ngân sách khác (nếu có)			
				Tổng				Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ				Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ			
				Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	8	5	6	7	12	9	10	11	16	13	14	15
	- Thù lao nhóm 02 thành viên	0,24	40	2	1	1		19,2	9,6	9,6					
	- Thù lao nhóm 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,12	40	2	1	1		9,6	4,8	4,8					
1.4	Công việc 4....														
2	Nội dung 2:.... Chủ nhiệm chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính)							89,591							
2.1	Công việc 1:.... Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 0,5 tháng quy đổi và 03 thành viên tham gia (trong đó có thư ký khoa học tham gia với chức danh thành viên và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi							48							
	- Thù lao thành viên chính	0,48	40	0,5		0,5		9,6		9,6					
	- Thù lao nhóm 03 thành viên	0,24	40	3	1	2		28,8	9,6	19,2					
	- Thù lao nhóm 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,12	40	2	1	1		9,6	4,8	4,8					

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh*				Ngân sách nhà nước				Ngân sách khác (nếu có)			
				Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh*				Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ				Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ			
				Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	8	5	6	7	12	9	10	11	16	13	14	15
2.2	Công việc 2:... Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi							41,591							
	- Thù lao thành viên chính	0,48	40	1		1		19,2		19,2					
	- Thù lao 01 thành viên	0,24	40	0,364		0,364		3,491		3,491					
	- Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,12	40	1,5		1,5		7,2		7,2					
	- Thù lao lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất 4,68 triệu đồng x số tháng thực hiện quy đổi)		4,68			2,5		11,7		11,7					
3	Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ: TL_{CN}=0,6 x DM_{CN} x 20% x T	0,6	40	18	6	12		86,4	28,8	57,6					
4	Thù lao của thư ký khoa học: TL_{TK}=0,18 x DM_{CN} x 20% x T	0,18	40	18	6	12		25,92	8,64	17,28					

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Đinh mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh*				Ngân sách nhà nước				Ngân sách khác (nếu có)			
				Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh*				Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ				Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ			
				Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	8	5	6	7	12	9	10	11	16	13	14	15
II	Xây dựng báo cáo tổng kết	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng													
	TỔNG CỘNG							301,184				24			
	TỔNG THÙ LAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ							325,184							

* Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh lấy giá trị đến phần nghìn sau phần thập phân.